

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111 /2024/HSST
Ngày: 19-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S-TP. ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích

Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Phú Huy - Là thư ký Tòa án nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Diệu Ny - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **TRẦN MINH T**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 04/3/2007 (tại thời điểm phạm tội được 17 tuổi 0 tháng 27 ngày) tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: **Tổ D phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: ông **Trần Văn T1**, sinh năm: 1987 và bà **Nguyễn Thị Thanh T2**, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: **Tổ C, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Gia đình có hai anh em, bị cáo là con cả trong gia đình; Tiền án: chưa; tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 06/8/2024 bị **Công an quận T** khởi tố về hành vi Trộm cắp tài sản

Bị cáo bị bắt ngày 07/5/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an quận S**, thành phố Đà Nẵng.

2. **NGUYỄN HOÀNG P NAM**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 12/6/2006 (tại thời điểm phạm tội được 17 tuổi 09 tháng 19 ngày) tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: **Tổ E, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm: 1971 và bà **Hoàng Thị Bích T3**, sinh năm 1973; Nơi cư trú: **Tổ E, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Gia đình có hai chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án: chưa; tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 06/8/2024 bị Công an quận T khởi tố về hành vi Trộm cắp tài sản

Bị cáo bị bắt ngày 07/5/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. NGUYỄN HỮU Đ; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 05/7/2007 (tại thời điểm phạm tội được 16 tuổi 10 tháng 01 ngày) tại thành phố Đà Nẵng; HKTT: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Chỗ ở hiện nay: K N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu P1, sinh năm: 1977 và bà Huỳnh Thị G, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: K N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Bị cáo là con một trong gia đình; Tiền án: chưa; tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 06/8/2024 bị Công an quận T khởi tố về hành vi Trộm cắp tài sản

Bị cáo hiện đang được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 98 ngày 29/8/2024 của Tòa án quận S, Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T:** bà Nguyễn Thị Quỳnh N, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đ theo quyết định cử số 241 ngày 21/5/2024. Có mặt

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng Phương N1:** Ông Võ Văn T4, Luật sư văn phòng luật sư T4 và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ được Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đ cử theo quyết định số 242 ngày 21/5/2024. Có mặt

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Đ:** Bà Nguyễn Thị O, Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đ theo quyết định cử số 311 ngày 20/8/2024. Có mặt

- **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Minh T:** ông Trần Văn T1, sinh năm: 1987 và bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Tổ C, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hoàng Phương N1:** ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1971 và bà Hoàng Thị Bích T3, sinh năm: 1973. Nơi cư trú: Tổ E phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hữu Đ:** ông Nguyễn Hữu P1, sinh năm: 1977 và bà Huỳnh Thị G, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: K N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông P1 có mặt, bà G vắng mặt

- **Bị hại:**

1. Chị Phạm Thị Kim T5; sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ G, phường T, quận S, Tp.Đà Nẵng. Vắng mặt

2. Anh Nguyễn Văn T6; sinh năm: 1987. Địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

3. Anh **Phan Thanh T7**; sinh năm: 1985. Địa chỉ: **A N, phường B, quận H, Tp.Đà Nẵng**. Vắng mặt

4. Chị **Nguyễn Thị Minh T8**; sinh năm: 1989. Địa chỉ: **Tổ A, phường V, quận N, Tp.Đà Nẵng**. Vắng mặt

5. Anh **Nguyễn Minh H1**; sinh năm: 1997. Địa chỉ: **H C, phường H, quận C, Tp.Đà Nẵng**. Vắng mặt

6. Anh **Đặng Xuân T9**; sinh năm: 1998. Địa chỉ: **Căn hộ T, phường H, quận L, Tp.Đà Nẵng**. Vắng mặt

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. **Phan Thanh T10**, sinh ngày: 19/12/ 2008. Nơi cư trú: **Tổ G, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của **Phan Thanh T10**: Ông **Phan Thanh Minh V**, sinh năm: 1985 và bà **Hứa Thị T11**, sinh năm: 1986. Địa chỉ: **Tổ G, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

2. Ông **Trương Ngọc V1**, Sinh năm: 1995. Nơi cư trú: **Số A H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

3. Bà **Nguyễn Thị Thanh T2**, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: **Tổ C, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 3/2024 đến tháng 5/2024, **Trần Minh T, Nguyễn Hoàng Phương N1, Phan Thanh T10** (sinh ngày: 19/12/2008, trú: **tổ G, phường T, quận S, TP.Đà Nẵng**) và **Nguyễn Hữu Đ** đã bàn bạc, chuẩn bị công cụ, phương tiện, phân công nhiệm vụ, tìm những cửa hàng, quán cà phê có sơ hở trong việc quản lý tài sản để đột nhập trộm cắp vào ban đêm. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 03 giờ ngày 31/3/2024, **Phan Thanh T10** rủ **Trần Minh T** cùng đi trộm cắp tài sản thì **T** đồng ý. **T** điều khiển xe mô tô Suzuki Satria F150, màu đỏ đen, đã được **T** tháo biển số (BKS: 43AE-010.73) đi đến nhà **T10** để chờ **T10**, rồi cùng **T10** đi rảo quanh các tuyến đường ở **quận S, TP.Đà Nẵng** tìm quán cà phê, không ai trông coi để đột nhập trộm cắp tài sản. Khi đang đi trên **đường Đ, phường T, quận S, TP.Đà Nẵng**, thì **T10** phát hiện **quán C2**, tại **số A Đ**, do chị **Phạm Thị Kim T5** (sinh năm: 1993; trú: **tổ G, phường T, quận S, TP.Đà Nẵng**) làm chủ, không có ai trông coi, nên gọi **T** dừng xe lại để đột nhập vào quán cà phê trộm cắp tài sản. Lúc này, **T10** đứng ngoài cảnh giới còn **T** trèo vào quán cà phê qua đường cửa sổ. Sau khi thấy **T** trèo vào thì **T10** cũng trèo vào theo, **T** đến quầy thu ngân lục tìm tài sản thì thấy một hộp kim loại có sẵn chìa khóa. **T** mở hộp kim loại ra thấy bên trong có nhiều tiền nên lấy toàn bộ tiền cất vào túi quần. Còn **T10** lấy trộm thêm 02 (hai) cây thuốc lá còn nguyên chưa bóc, nhãn hiệu Caraven (mỗi cây 10 gói) ở trong quầy thu ngân. **T10** và **T** đi ra ngoài theo lối cũ rồi **T10**

điều khiển xe mô tô chở **T** tẩu thoát. Cả hai đi đến một đoạn đường gần **núi S** (không rõ địa điểm) thì dừng xe lại, **T10** và **T** lấy tiền trộm được ra đếm được 3.500.000 đồng. **T10** và **T** chia nhau, mỗi người được 1.750.000 đồng, rồi **T** chở **T10** về nhà. Sau đó, **T** mang 02 cây thuốc lá trộm được đem đi bán cho một tiệm tạp hóa được 300.000 đồng, số tiền bán tài sản này **T10** và **T** sử dụng tiêu xài ăn uống chung. Còn 3.500.000 đồng trộm cắp được, cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 24 ngày 25/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự: giá của 02 cây thuốc lá nhãn hiệu Caraven có giá 303.000 đồng. (BL số 40)

Tổng giá trị tài sản **T** và **T10** trộm cắp trong vụ này là: 3.803.000 đồng.

- Vụ thứ 2: Khoảng 01 giờ 30' ngày 18/4/2024, **T10** điều khiển xe mô tô Suzuki Satria F150, màu đỏ đen, đã tháo biển số chở **T** rảo quanh đi tìm địa điểm trộm cắp tài sản. **T10** phát hiện **siêu thị M**, tại **số B Hồ N, quận S, TP.Đà Nẵng** do anh **Nguyễn Văn T6** (sinh năm: 1987; trú: **thôn M, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam**) làm chủ, đang sáng điện mà không có người trông coi, nhưng đã khóa cửa. Lúc này, **T10** chở **T** lên **núi S** lấy 01 kìm cắt kim loại (dài khoảng 60cm) mà cả hai đã chuẩn bị trước đó và quay lại **siêu thị M**. **T10** và **T** đi đến cửa chính của siêu thị, dùng kìm cắt kim loại bấm phá ổ khóa. Sau đó, **T10** đứng ngoài cảnh giới còn **T** đột nhập vào siêu thị, đi đến quầy thu ngân, lục tìm trong ngăn kéo thấy bên trong có nhiều tiền nên lấy toàn bộ tiền cất vào túi quần rồi tẩu thoát ra ngoài. **T10** điều khiển xe chở **T** đi đến một khu vực gần **núi S** (không rõ địa điểm cụ thể) cất giấu cây kìm cắt kim loại rồi lấy tiền trộm được ra đếm được 2.500.000 đồng. **T10** và **T** chia nhau tiền trộm cắp, mỗi người được 1.250.000 đồng, cả hai tiêu xài hết.

Vụ thứ 3: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 29/4/2024, **T10** điều khiển xe mô tô Suzuki Satria F150, màu đỏ đen, đã tháo biển số chở **T** và **N1** đi trộm cắp tài sản. **T10** điều khiển xe đến trước **quán B**, tại **số D K, phường M, quận S, TP.Đà Nẵng**, do anh **Phan Thanh T7** (sinh năm: 1985; Trú: **Số A N, phường B, quận H, TP.Đà Nẵng**) làm chủ, thì **N1** gọi dừng lại và gọi cả nhóm cùng đột nhập vào quán bida để trộm cắp tài sản. Cả nhóm đi vòng ra cửa sau quán bida thì thấy cửa có một lỗ hổng, **N1** dùng tay đưa qua lỗ hổng để kéo mở chốt cửa. Sau đó, cả ba đi vào trong quán bida, đến quầy thu ngân lục tìm tài sản thì phát hiện két sắt (loại tủ tính tiền) nhưng đã khóa. **T10** dùng 01 tua vít (đã chuẩn bị sẵn) cạy phá ổ khóa, phát hiện bên trong két sắt có 1.400.000 đồng. **T10** lấy hết số tiền này cất vào túi quần rồi cả nhóm tiếp tục đi lục tìm tài sản. **T** và **N1** lấy trộm được 04 cây thuốc lá (trong đó có 02 cây thuốc lá WhiteHorse, 02 cây thuốc lá **C**, mỗi cây có 10 gói) và 04 gói thuốc lá Craven. Sau đó, cả nhóm đi ra ngoài theo lối cũ rồi **N1** điều khiển xe mô tô chở **T10** và **T** tiếp tục đi trộm cắp tài sản.

Theo Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 25/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự: giá của 44 gói thuốc lá (trong đó 20 gói thuốc lá WhiteHorse, 24 gói thuốc lá **C**) là 983.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản **T**, **N1**, **T10** trộm cắp trong vụ này là: 2.383.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 02 giờ ngày 29/4/2024, **Nguyễn Hoàng Phương N1** điều khiển xe mô tô Suzuki Satria F150, màu đỏ đen, đã tháo biển số chờ **Phan Thanh T10** và **Trần Minh T** đến trước quán C3, tại số D đường Đ, phường A, quận S, TP.Đà Nẵng, do chị **Nguyễn Thị Minh T8** (sinh năm: 1989; Trú: **Tổ A**, phường V, quận N, TP.Đà Nẵng) làm chủ, thì **T** gọi **N1** dừng xe lại và nói cả nhóm cùng đột nhập trộm cắp tài sản. Lúc này, **T10** đứng ngoài cảnh giới, còn **T** và **N1** đi đến cửa chính, rồi dùng tay kéo mạnh làm cho cửa chính của quán bị bung khóa. **T** và **N1** đột nhập vào quán, đi đến quầy thu ngân thì thấy có một rổ nhựa bên trong có nhiều tiền lẻ và 01 túi xách, màu nâu đất nên **T** và **N1** lấy số tài sản trên rồi tẩu thoát ra ngoài. Sau đó, **T10** điều khiển xe mô tô chờ **T** và **N1** đến một đoạn đường vắng rồi dừng lại, kiểm tra bên trong túi xách có 10.000.000 đồng nên lấy số tiền và vứt lại túi xách (không nhớ rõ vị trí vứt), rồi đưa toàn bộ tiền lấy trộm được cho **T10** cất vào túi áo rồi **T10** điều khiển xe chờ **T** và **N1** tiếp tục đi trộm cắp tài sản.

Chiếc túi xách này đã cũ, không còn giá trị, chị **Nguyễn Thị Minh T8** không yêu cầu định giá cũng như không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 5: Khoảng 03 giờ ngày 29/4/2024, **Phan Thanh T10** điều khiển xe mô tô Suzuki Satria F150, màu đỏ đen, đã tháo biển số, chờ **Trần Minh T** và **Nguyễn Hoàng Phương N1** đến dừng trước quán C4 tại số B đường A, phường A, quận S, TP.Đà Nẵng do anh **Nguyễn Minh H1** (sinh năm: 1997, trú: 08 C, phường H, quận C, TP.Đà Nẵng) làm chủ rồi cả nhóm cùng đột nhập trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, **T10** sử dụng 01 tua vít (dài khoảng 20cm, đã được chuẩn bị sẵn) cạy phá khóa cửa sổ. Sau đó **T10** đứng ngoài cảnh giới, còn **T** và **N1** trèo qua cửa sổ vào trong quán cà phê, đi đến quầy thu ngân, thấy một két sắt đựng tiền không khóa. **T** mở ra thì thấy nhiều tiền nên lấy toàn bộ số tiền cho vào túi quần rồi tẩu thoát ra ngoài. Sau đó, **T** đưa toàn bộ tiền cho **T10** cất giữ. **T10** điều khiển xe mô tô chờ **T** và **N1**, đến đoạn đường vắng người (không rõ địa chỉ) thì lấy tiền vừa trộm ra đếm được 11.000.000 đồng.

Vụ thứ 6: Ngày 05/5/2024, **Trần Minh T** rủ **Nguyễn Hữu Đ** cùng đi trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/5/2024, **T** chờ **Nguyễn Hoàng Phương N1** bằng xe mô tô Suzuki BKS: 43AE-01073 và **Đ** chờ **Phan Thành T12** bằng xe mô tô Exciter BKS 43E1-571.80 đi rảo quanh các quán cà phê để tìm sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản, khi đi qua quán K tại số A đường N, phường H, quận H, TP.Đà Nẵng do anh **Đặng Xuân T9** (sinh năm: 1998, trú: Căn hộ thương mại H, phường H, quận L, TP.Đà Nẵng) quản lý không có ai trông coi nên cả nhóm đã dừng xe ở ngoài và đi vào. **T** và **T12** đã dùng tay đẩy mạnh cửa sổ làm cửa sổ rơi ra thì báo động của cửa hàng kêu lên, cả nhóm bỏ chạy. Do không thấy người đi ra nên cả nhóm đã quay lại, **T** và **T12** trèo vào nhà bằng cửa sổ để trộm 02 két sắt, **Đ** và **N1** ở ngoài cảnh giới. Sau đó, cả nhóm cùng đi đến

một bãi đất trống (không nhớ địa chỉ cụ thể) để cùng nhau phá kết sắt ra, nhưng trong kết sắt không có gì.

Tang vật tạm giữ:

- 01 đĩa CD màu vàng, lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 18/4/2024, tại **siêu thị M**, địa chỉ **số B Hồ N, quận S**, TP.Đà Nẵng do anh **Nguyễn Văn T13** giao nộp. Chuyển theo hồ sơ vụ án; (BL61)

- 01 đĩa CD màu vàng lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 29/4/2024, tại **quán B**, địa chỉ **số D K, phường M, quận S, TP.Đà Nẵng** do anh **Phan Thanh T7** giao nộp. Chuyển theo hồ sơ vụ án; (BL73)

- 01 đĩa CD màu vàng lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 29/4/2024, tại **quán C4, số B A, phường A, quận S, TP.Đà Nẵng** do anh **Nguyễn Minh H1** giao nộp. Chuyển theo hồ sơ vụ án; (BL95)

- 01 đĩa CD, lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 06/5/2024, tại **cửa hàng K1**, địa chỉ **số A N, quận H**, TP.Đà Nẵng do anh **Đặng Xuân T14** giao nộp. Chuyển theo hồ sơ vụ án; (BL242)

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria F150, màu đỏ - đen, BKS: 43AE-010.73. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe này là của chị **Nguyễn Thị Thanh T2** (sinh năm: 1988; Trú: **Tổ C, phường T, quận S, TP.Đà Nẵng**) cho con trai là **Trần Minh T** mượn sử dụng để đi chơi với bạn bè và chị **T2** không biết việc **T** sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT **Công an quận S** đã trao trả cho chủ sở hữu là chị **Nguyễn Thị Thanh T2**, theo Quyết định xử lý vật chứng số 568 ngày 17/6/2024; (BL138)

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu đen, BKS: 43E1-571.80. Quá trình điều tra, xác định: chiếc xe mô tô này do anh **Nguyễn Đình T15** (sinh năm: 1980; Trú: **Tổ H, phường A, quận S, TP.Đà Nẵng**) mua vào tháng 6/2022 và đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Vào đầu tháng 5/2024, anh **Nguyễn Đình T15** đã bán chiếc xe này cho anh **Trương Ngọc V1** (sinh năm: 1995; Trú: **Số A H, phường P, quận H, TP.Đà Nẵng**). Đến ngày 03/5/2024, anh **V1** cho chị **Hứa Thị T11** (sinh năm: 1986; Trú: **Tổ G, phường T, quận S, TP.Đà Nẵng**) thuê xe mô tô trên để sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày. Vào tối ngày 05/5/2024, chị **T11** có cho con trai là **Phan Thanh T10** mượn xe mô tô này để đi chơi với bạn bè và chị **T11** không biết việc **T10** sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT **Công an quận H** đã trao trả cho chủ sở hữu là anh **Trương Ngọc V1**, theo Quyết định xử lý vật chứng số 1222 ngày 03/7/2024; (BL256-258)

- 01 bình xịt hơi cay, cao 23cm, có chữ "TAKE DOWN" do **T** làm rơi khi trộm cắp tài sản tại địa chỉ **A đường N** do anh **Đặng Xuân T9** làm chủ. Anh **T9** giao nộp cho Cơ quan CSĐT **Công an quận H**. Chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà. (BL244)

Đối với 01 tua vít, 01 kìm cắt kim loại do **T10**, **T** mua tại một cửa hàng bán vật liệu (không nhớ địa chỉ) chuẩn bị để thực hiện hành vi trộm cắp hiện cả 2 vật

dụng **kia T17** đã vỡt, không nhớ địa chỉ cụ thể và thời gian vỡt nên không thu hồi được.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 57 ngày 10/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **quận S** giá trị tài sản của 02 kết sất là 2.696.000 đồng; hư hỏng 01 cửa kính bằng kim loại có giá 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản do **T** trộm cắp trong 06 vụ là: 32.382.000 đồng và làm hư hỏng tài sản là 01 cửa kính, khung bằng kim loại trị giá 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản do **N1** trộm cắp trong 04 vụ là: 26.079.000 đồng và làm hư hỏng tài sản là 01 cửa kính, khung bằng kim loại trị giá 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản do **Đ** trộm cắp trong 01 vụ là: 2.696.000 đồng và làm hư hỏng tài sản là 01 cửa kính, khung bằng kim loại trị giá 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản do **T10** trộm cắp trong 06 vụ là: 32.382.000 đồng và làm hư hỏng tài sản là 01 cửa kính, khung bằng kim loại trị giá 1.500.000 đồng.

*** Về phần dân sự:** Những người bị hại đã nhận bồi thường và không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 99/2024/CT- VKS ngày 29/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Hoàng Phương N1**, **Nguyễn Hữu Đ** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với các bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Hoàng Phương N1**, **Nguyễn Hữu Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, điều 58, điều 90, 91, 101 của BLHS xử phạt **Trần Minh T** từ 15 tháng đến 18 tháng tù

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 điều 58, điều 90, 91, 101 của BLHS xử phạt **Nguyễn Hoàng Phương N1** từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điều 58, điều 90, 91, 101 của BLHS xử phạt **Nguyễn Hữu Đ** từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận bồi thường và không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bình xịt hơi cay, cao 23cm có chữ TAKE DOW của bị cáo **Trần Minh T**. Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà theo biên bản giao nhận ngày 05/9/2024.

Luật sư **Nguyễn Thị Quỳnh N** trình bày lời bào chữa: Thống nhất về tội danh và điều khoản áp dụng đối với bị cáo **Trần Minh T**. Đề nghị HĐXX xem xét những tình tiết giảm nhẹ sau: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, qua trình điều tra ăn năn, hối cải, tác động gia đình bồi thường cho những người bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác

nhận, cha mẹ làm nghề biển nên ít có thời gian quan tâm chăm sóc con cái, gia đình bị cáo có ông bà cố nội tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên nghe theo rủ rê của bạn bè và đề nghị HĐXX áp dụng các điểm s,b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, 91, 101 BLHS để xem xét mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

Luật sư **Võ Văn T4** trình bày lời bào chữa: Thống nhất về tội danh và điều khoản áp dụng đối với bị cáo **Nguyễn Hoàng Phương N1** tuy nhiên đề nghị HĐXX cân nhắc xem xét các tình tiết giảm nhẹ sau đối với **N1**: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, suy nghĩ chưa chín chắn, chưa thấy hết được hậu quả phải gánh chịu, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn và ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả và được những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác nhận cha mẹ không có công việc ổn định, mất sức lao động; hiện tại bị cáo đang đi học nghề để phụ giúp cha mẹ, gia đình bị cáo có ông nội tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó đề nghị HĐXX xem xét áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát tạo điều kiện cho bị cáo là người chưa thành niên có cơ hội cải tạo, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Luật sư **Nguyễn Thị O** trình bày lời bào chữa: Thống nhất về tội danh và điều khoản áp dụng đối với bị cáo **Nguyễn Hữu Đ**. Thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát **quận S** đã đề nghị. Đối với bị cáo **Đ** tham gia 01 vụ trộm cắp với vai trò là cảnh giới chứ không trực tiếp lấy tài sản, trong vụ trộm này giá trị tài sản trộm cắp nhỏ. Bị cáo **Đ** chưa có tiền án, tiền sự, cha mẹ bị cáo ly hôn từ khi bị cáo còn nhỏ nên thiếu sự quan tâm chăm sóc của gia đình, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nghe theo bạn bè rủ rê lôi kéo, chưa suy nghĩ thiếu chín chắn, **Đ** nghỉ học từ sớm, đi làm phụ quán nhậu để phụ giúp gia đình. Bị cáo tác động gia đình bồi thường cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Gia đình **Đ** có ông nội tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương. Do đó đề nghị xem xét mức hình phạt thấp nhất với đề nghị của Viện kiểm sát và cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo.

Các bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Hoàng Phương N1**, **Nguyễn Hữu Đ** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Hoàng Phương N1**, **Nguyễn Hữu Đ** đã nhận thức rõ hành vi phạm tội, rất hối hận về hành vi của mình đã gây ra và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo có cơ hội cải tạo, sớm trở về với gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo Trần Minh T, Nguyễn Hoàng Phương N1, Nguyễn Hữu Đ đã khai nhận: Trong thời gian từ tháng 3/2024 đến tháng 5/2024, Trần Minh T, Nguyễn Hoàng Phương N1, Phan Thanh T10 (15 tuổi 4 tháng 9 ngày) và Nguyễn Hữu Đ đã bàn bạc, chuẩn bị công cụ, phương tiện, phân công nhiệm vụ, tìm những cửa hàng, quán cà phê có sơ hở trong việc quản lý tài sản để đột nhập trộm cắp vào ban đêm. Cụ thể như sau:

Vào ngày 31/3/2024, Trần Minh T và Phan Thanh T10 trộm cắp số tiền 3.500.000 đồng, 02 cây thuốc lá, nhãn hiệu Caraven trị giá 303.000 đồng, của chị Phạm Thị Kim T5;

Ngày 18/4/2024, Trần Minh T và Phan Thanh T10 đã trộm cắp số tiền là 2.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn T6;

Vào ngày 29/4/2024, Trần Minh T, Nguyễn Hoàng Phương N1 và Phan Thanh T10 đã trộm cắp số tiền 1.400.000 đồng, 44 gói thuốc lá (Trong đó có 22 gói thuốc lá WhiteHorse, 22 gói thuốc lá Craven) trị giá 983.000 đồng của anh Phan Thanh T7; trộm cắp số tiền 10.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Minh T8 và số tiền 11.000.000 đồng của anh Nguyễn Minh H1;

Ngày 06/5/2024, Phan Thanh T10, Trần Minh T, Nguyễn Hoàng Phương N1 và Nguyễn Hữu Đ đã trộm cắp 02 hộp đựng tiền hiệu MES COMPACT CASH DRAWER CD PORT, trị giá 2.696.000 đồng và làm hư hỏng 01 cửa kính, khung bằng kim loại trị giá 1.500.000 đồng, là tài sản do anh Đặng Xuân T9 quản lý.

Tổng giá trị tài sản do T trộm cắp trong 06 vụ là: 32.382.000 đồng và làm hư hỏng tài sản là 01 cửa kính, khung bằng kim loại trị giá 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản do N1 trộm cắp trong 04 vụ là: 26.079.000 đồng và làm hư hỏng tài sản là 01 cửa kính, khung bằng kim loại trị giá 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản do Đ trộm cắp trong 01 vụ là: 2.696.000 đồng và làm hư hỏng tài sản là 01 cửa kính, khung bằng kim loại trị giá 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản do T10 trộm cắp trong 06 vụ là: 32.382.000 đồng và làm hư hỏng tài sản là 01 cửa kính, khung bằng kim loại trị giá 1.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung “*Phạm tội có tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm cần phải được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật, lười lao

động, muốn hưởng lợi nhanh chóng từ thành quả lao động của người khác nên lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, lén lút cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Do đó cần phải quyết định một mức án xử lý thật nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này, **Phan Thanh T10** (chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự) nảy sinh ý định trộm cắp, là người rủ rê, khởi sự, bị cáo **T** và **N1**, **Đ** thực hiện việc trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài. Các bị cáo có sự phân công bàn bạc với nhau về mặt thời gian, chuẩn bị công cụ, người trực tiếp lấy tài sản, người đứng cảnh giới và ăn chia tiền trộm cắp được. Bị cáo **Trần Minh T** là người tham gia tích cực 6 vụ trộm cắp, sau khi được **T10** rủ đi trộm cắp thì **T** có lần rủ lại **N1**, **Đ** cùng thực hiện. **T** là người trực tiếp vào lấy tài sản trộm cắp. Đối với **Nguyễn Hoàng Phương N1** và **Nguyễn Hữu Đ** tham gia trộm cắp tài sản với vai trò là cảnh giới trong đó **N1** tham gia 04 vụ trộm và **Đ** tham gia 1 vụ trộm.

Như vậy, trong vụ án này bị cáo **T** tham gia với vai trò tích cực hơn các bị cáo **N1** và **Đ**, do đó hình phạt dành cho bị cáo **Trần Minh T** phải cao hơn **Nguyễn Hoàng Phương N1** và **Nguyễn Hữu Đ** và hình phạt của **N1** phải cao hơn của **Đ** mới phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng và nhân thân: Các bị cáo **T** và **N1** phạm tội nhiều lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Ngoài tham gia các vụ trộm nêu trên, ngày 06/8/2024 **T**, Nam, **Đ** hiện đang bị **Công an quận T**, Đà Nẵng ra quyết định khởi tố vụ án về tội Trộm cắp tài sản. Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 03 bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, cả 03 bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho 3 bị cáo. Bị cáo **T** có ông bà nội **Trần D** và **Trương Thị C1**, bị cáo **N1** có ông nội **Nguyễn Hồng S** và bị cáo **Đ** có ông nội **Nguyễn Hữu T16** tham gia cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho 3 bị cáo. Gia đình bị cáo **T** và **N1** có hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác nhận nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho **T** và **N1**.

Tại thời điểm các bị cáo phạm tội 03 bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, còn hạn chế về khả năng nhận thức pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Điều 90, 91, 101 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho 03 bị cáo để thể hiện chính sách nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy các bị cáo **T**, **N1**, **Đ** có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và các tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 nên xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Những người bị hại đã nhận bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy 01 bình xịt hơi cay, cao 23cm có chữ TAKE DOW của bị cáo **Trần Minh T**. Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà theo biên bản giao nhận ngày 05/9/2024.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 đĩa CD màu vàng, lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 18/4/2024 do anh **Nguyễn Văn T13** giao nộp; 01 đĩa CD màu vàng lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 29/4/2024 do anh **Phan Thanh T7** giao nộp; 01 đĩa CD màu vàng lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 29/4/2024 do anh **Nguyễn Minh H1** giao nộp; 01 đĩa CD, lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 06/5/2024 do anh **Đặng Xuân T14** giao nộp.

[7] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria F150, màu đỏ - đen, BKS: 43AE-010.73. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe này là của chị **Nguyễn Thị Thanh T2** cho con trai là **Trần Minh T** mượn sử dụng để đi chơi với bạn bè và chị **T2** không biết việc **T** sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT **Công an quận S** đã trao trả cho chủ sở hữu là chị **Nguyễn Thị Thanh T2**, theo Quyết định xử lý vật chứng số 568 ngày 17/6/2024 là phù hợp.

[8] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu đen, BKS: 43E1-571.80. Quá trình điều tra, xác định: chiếc xe mô tô này do anh **Nguyễn Đình T15** mua vào tháng 6/2022 và đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Vào đầu tháng 5/2024, anh **Nguyễn Đình T15** đã bán chiếc xe này cho anh **Trương Ngọc V1** (sinh năm: 1995; Trú: **Số A H, phường P, quận H, TP.Đà Nẵng**). Đến ngày 03/5/2024, anh **V1** cho chị **Hứa Thị T11** (sinh năm: 1986; Trú: **Tổ G, phường T, quận S, TP.Đà Nẵng**) thuê xe mô tô trên để sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày. Vào tối ngày 05/5/2024, chị **T11** có cho con trai là **Phan Thanh T10** mượn xe mô tô này để đi chơi với bạn bè và chị **T11** không biết việc **T10** sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT **Công an quận H** đã trao trả cho chủ sở hữu là anh **Trương Ngọc V1**, theo Quyết định xử lý vật chứng số 1222 ngày 03/7/2024 là phù hợp.

[9] Đối với **Phan Thanh T10**: Tại thời điểm phạm tội, **T10** được 15 tuổi 03 tháng 12 ngày nên căn cứ theo Điều 12 BLHS, **T10** chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan CSĐT **Công an quận S** không đề cập xử lý hình sự đối với **T10** và ra quyết định xử phạt hành chính số 260/QĐ-XPHC ngày 30/7/2024 là có căn cứ.

[10] Đối với 01 tua vít, 01 kìm cắt kim loại do **T10, T** mua tại một cửa hàng bán vật liệu (không nhớ địa chỉ) chuẩn bị để thực hiện hành vi trộm cắp hiện cả 2 vật dụng **kia T17** đã vứt, không nhớ địa chỉ cụ thể và thời gian vứt nên không thu hồi được.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa tại phiên toà về áp dụng điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phần xử lý vật chứng là cơ bản phù hợp nên cần chấp nhận.

[12] Án phí HSST mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Hoàng Phương N1**, **Nguyễn Hữu Đ** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 điều 52, khoản 1 Điều 54, điều 58, điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Minh T 15 (Mười lăm) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam 07/5/2024.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 điều 52, khoản 1 Điều 54, điều 58, điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Hoàng Phương N1 09 (Chín) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam 07/5/2024.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điều 58, điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Hữu Đ 06 (sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS Tịch thu tiêu hủy 01 bình xịt hơi cay, cao 23cm có chữ TAKE DOW của bị cáo **Trần Minh T**. Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà theo biên bản giao nhận ngày 05/9/2024.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 đĩa CD màu vàng, lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 18/4/2024 do anh **Nguyễn Văn T13** giao nộp; 01 đĩa CD màu vàng lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 29/4/2024 do anh **Phan Thanh T7** giao nộp; 01 đĩa CD màu vàng lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 29/4/2024 do anh **Nguyễn Minh H1** giao nộp; 01 đĩa CD, lưu trữ dữ liệu trích sao từ camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản vào ngày 06/5/2024 do anh **Đặng Xuân T14** giao nộp.

4/Án phí HSST: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST các bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Hoàng Phương N1**, **Nguyễn Hữu Đ** mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Báo bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị

hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND q. S, Tp Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS q. S, Tp Đà Nẵng;
- Công an quận S, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh

